

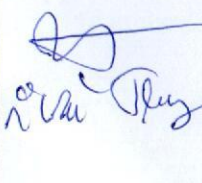
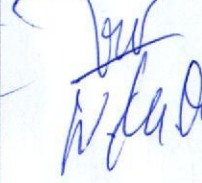
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Kỹ thuật điện tử ứng dụng (228304) - Nhóm 04**

CBGD: **Nguyễn Văn Trung (280028)**

Số SV có mặt: 13
Số bài thi: 13
Số tờ giấy thi: 13

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121050036	LÊ THANH NAM	19/05/2003	CCQ2105B			Nam	5.0	5.0	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121050063	ĐỖ DUY NGỌC	14/11/2003	CCQ2105B			Duy	3.5	7.0	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121050040	NGUYỄN TRƯỜNG ĐÌNH NGUYỄN	20/04/2003	CCQ2105B			Nguyen	3.5	7.0	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121050039	ĐẶNG ĐỨC PHÚ	07/07/2003	CCQ2105B			Phu	8.5	7.0	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121050045	LÊ NGÔ HỮU PHÚC	13/06/2003	CCQ2105B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121050064	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	23/04/2003	CCQ2105B			Phu	7.0	7.0	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121050066	ĐOÀN NGỌC QUẾ	29/09/2003	CCQ2105B			Quê	9.0	7.8	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121050046	NGUYỄN MINH QUỐC	04/06/2001	CCQ2105B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121050069	ĐỖ TRỌNG QUÝ	16/01/2003	CCQ2105B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121050060	LÊ VĂN QUYẾT	02/01/2003	CCQ2105B			Quyết	8.5	7.1	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121050037	CHÂU PHƯỚC SANG	11/11/2003	CCQ2105B			Sang	7.5	7.0	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121050044	TỬ TỊNH TÂM	31/05/2003	CCQ2105B			Tam	8.5	7.2	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121050054	ĐÀNG ĐỨC TÂN	17/06/2003	CCQ2105B			Tan	6.8	7.0	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121050059	PHẠM QUANG THẮNG	15/04/2002	CCQ2105B			Thang	7.2	7.0	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121050067	VÕ CÔNG THẬT	20/09/2000	CCQ2105B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121050052	LÊ MINH THUẬN	13/02/2003	CCQ2105B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121050053	HUỖNH NGUYỄN TẤN TRUNG	30/01/2002	CCQ2105B			Trung	6.0	7.5	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121050068	NGUYỄN VĂN TRUNG	08/01/2002	CCQ2105B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121050048	TRẦN TRUNG TRỰC	01/10/2002	CCQ2105B			Truc	5.0	7.0	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121050072	HUỖNH HOÀNG TƯỜNG	29/05/1998	CCQ2105B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9